

# Inspiron 15

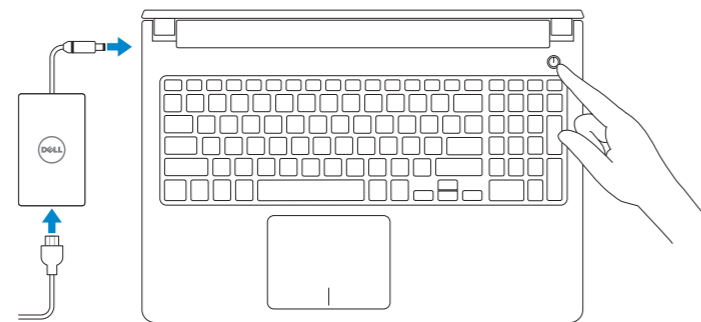
5000 Series

## Quick Start Guide

Priručnik za brzi početak rada  
Panduan Pengaktifan Cepat  
Hướng dẫn khởi động nhanh  
دليل البدء السريع

### 1 Connect the power adapter and press the power button

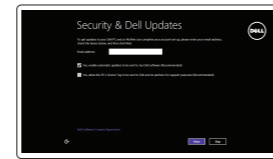
Priključite adapter za napajanje i pritisnite gumb za uključivanje/isključivanje  
Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya  
Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn  
توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



### 2 Finish Operating System setup

Završetak postavljanja operacijskog sustava  
Menyelesaikan Pengaturan Sistem Operasi  
Kết thúc thiết lập Hệ điều hành  
إنهاء إعداد نظام التشغيل

#### Windows

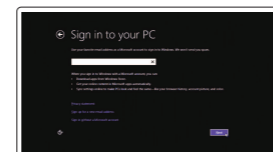


**Enable security and updates**  
Omogućite sigurnost i ažuriranja  
Aktifkan keamanan dan pembaruan  
Bật tính năng bảo mật và cập nhật  
تمكين الأمان والتحديثات



**Connect to your network**  
Spojite se na vašu mrežu  
Sambungkan ke jaringan Anda  
Kết nối vào mạng của bạn  
التوصيل بالشبكة

- NOTE:** If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.
  - NAPOMENA:** Ako se povezujete na sigurnu bežičnu mrežu, upišite zaporku za pristup bežičnoj mreži kad se to zatraži.
  - CATATAN:** Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.
  - GHI CHÚ:** Nếu bạn đang kết nối với mạng không dây được bảo mật, nhập mật khẩu truy cập mạng không dây khi được hỏi.
- ملاحظة:** إذا كنت تقوم بالاتصال بشبكة لاسلكية مؤمنة، فادخل كلمة المرور للوصول إلى الشبكة اللاسلكية عند المطالبة بذلك.



**Sign in to your Microsoft account or create a local account**  
Prijavite se u Microsoft račun ili izradite lokalni račun  
Masuk ke akun Microsoft Anda atau buat akun lokal  
Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính  
قم بتسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو قم بإنشاء حساب محلي

#### Ubuntu

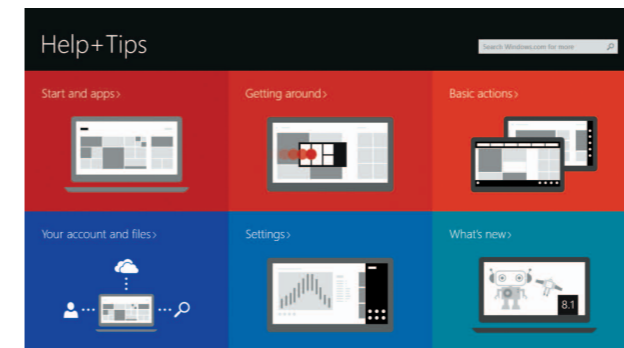
**Follow the instructions on the screen to finish setup.**  
Za dovršetak postavljanja pratite upute na zaslonu.  
Ikuti petunjuk pada layar untuk menyelesaikan pengaturan.  
Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất việc thiết lập.  
اتبع الإرشادات التي تظهر على الشاشة لإنهاء عملية الإعداد.

#### Learn how to use Windows

Saznajte kako da koristite Windows | Pelajari cara menggunakan Windows  
Tìm hiểu cách sử dụng Windows | Windows كيفية استخدام



**Help and Tips**  
Pomoć i savjeti | Bantuan dan Tips  
Trợ giúp và Mẹo | التعليمات والتلميحات



#### Locate your Dell apps in Windows

Locirajte svoje Dell aplikacije u Windows  
Mencari Lokasi aplikasi Dell Anda di Windows  
Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn trong Windows  
حدد مكان تطبيقات Dell في Windows



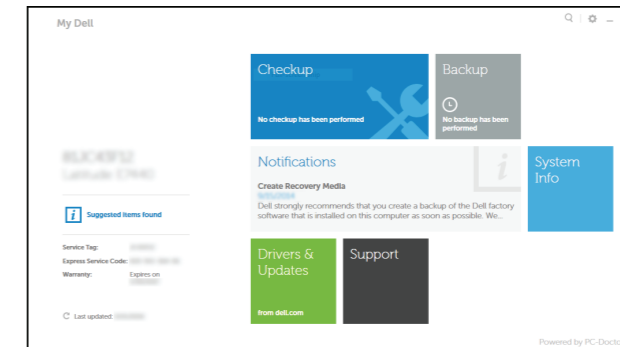
**Register your computer**  
Registrirajte svoje računalo | Daftarkan komputer Anda  
Đăng ký máy tính của bạn | تسجيل الكمبيوتر



**Dell Backup and Recovery**  
Dell Backup and Recovery | Pendaftaran dan Pemulihan Dell  
Phục hồi và Sao lưu Dell | Dell Backup and Recovery



**My Dell**  
Moj Dell | Dell Saya  
Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي



**Product support and manuals**  
Podrška i priručnici za proizvod  
Manual dan dukungan produk  
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn  
دعم المنتج والدلائل

**Contact Dell**  
Kontaktiranje tvrtke Dell | Hubungi Dell  
Liên hệ Dell | الاتصال بـ Dell

**Regulatory and safety**  
Pravne informacije i sigurnost | Regulasi dan keselamatan  
Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

**Regulatory model**  
Regulatorni model | Model regulatori  
Model quy định | الموديل التنظيمي

**Regulatory type**  
Regulatorna vrsta | Jenis regulatori  
Loại quy định | النوع التنظيمي

**Computer model**  
Model računala | Model komputer  
Model máy tính | موديل الكمبيوتر

dell.com/support  
dell.com/support/manuals  
dell.com/windows8  
dell.com/support/linux

dell.com/contactdell

dell.com/regulatory\_compliance

P51F

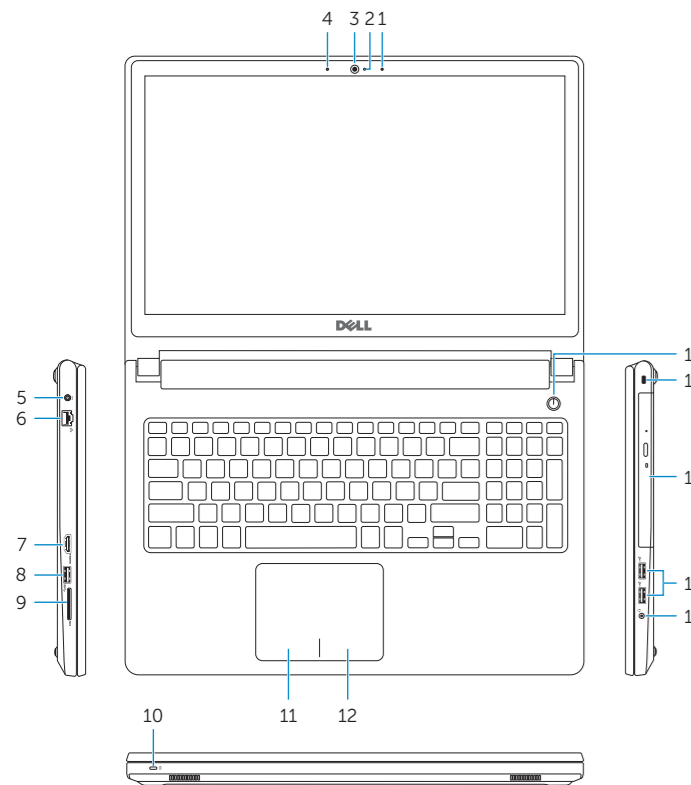
P51F001  
P51F003

Inspiron 15-5558  
Inspiron 15-5551

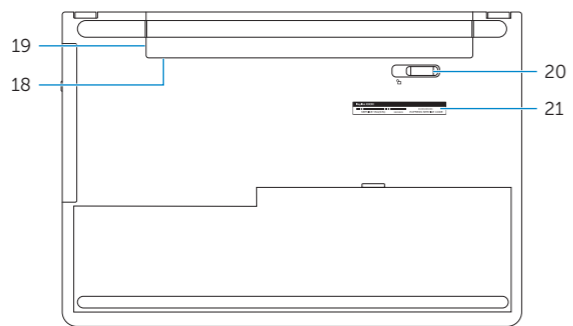


# Features

Značajke | Fitur | Tính năng | الميزات



- 1. Right microphone
- 2. Camera-status light
- 3. Camera
- 4. Left microphone (Inspiron 15-5558 only)
- 5. Power-adapter port
- 6. Network port (Inspiron 15-5558 only)
- 7. HDMI port
- 8. USB 3.0 port
- 9. Media-card reader
- 10. Power and battery-status light/hard-drive activity light
- 11. Left-click area
- 12. Right-click area
- 13. Headset port
- 14. USB 2.0 ports (2)
- 15. Optical drive
- 16. Security-cable slot
- 17. Power button
- 18. Regulatory label (in battery bay)
- 19. Battery
- 20. Battery-release latch
- 21. Service Tag label



- 1. Desni mikrofon
- 2. Svjetlo statusa kamere
- 3. Kamera
- 4. Lijevi mikrofon (samo Inspiron 15-5558)
- 5. Ulaz adaptera za napajanje
- 6. Mrežni priključak (samo Inspiron 15-5558)
- 7. HDMI ulaz
- 8. Ulaz za USB 3.0
- 9. Čitač medijske kartice
- 10. Svjetla statusa napajanja i baterije/svjetlo aktivnosti tvrdog pogona
- 11. Područje za lijevi klik mišem
- 12. Područje za desni klik mišem
- 13. Ulaz za slušalice
- 14. USB 2.0 ulazi (2)
- 15. Optički pogon
- 16. Utor za sigurnosni kabel
- 17. Gumb za uključivanje/isključivanje
- 18. Regulatorna naljepnica (u preticu za bateriju)
- 19. Baterija
- 20. Jezičak za oslobađanje baterije
- 21. Naljepnica servisne oznake

- 1. Mikrofon kanan
- 2. Lampu status kamera
- 3. Kamera
- 4. Mikrofon kiri (Inspiron 15-5558 saja)
- 5. Port adaptor daya
- 6. Port jaringan (Inspiron 15-5558 saja)
- 7. Port HDMI
- 8. Port USB 3.0
- 9. Pembaca kartu media
- 10. Lampu status daya dan baterai/lampu aktivitas hard disk
- 11. Area klik kiri
- 12. Area klik kanan
- 13. Port headset
- 14. Port USB 2.0 (2)
- 15. Drive optik
- 16. Slot kabel pengaman
- 17. Tombol daya
- 18. Label regulatori (dalam bay baterai)
- 19. Baterai
- 20. Kait pelepas baterai
- 21. Label Tag Servis

- 1. Micrô phải
- 2. Đèn trạng thái camera
- 3. Camera
- 4. Micrô trái (chỉ có ở Inspiron 15-5558)
- 5. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện
- 6. Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 15-5558)
- 7. Cổng HDMI
- 8. Cổng USB 3.0
- 9. Khe đọc thẻ nhớ
- 10. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
- 11. Vùng nhấp trái
- 12. Vùng nhấp phải
- 13. Cổng tai nghe
- 14. Cổng USB 2.0 (2)
- 15. Ổ đĩa quang
- 16. Khe cáp bảo vệ
- 17. Nút nguồn
- 18. Nhãn quy định (trong khay pin)
- 19. Pin
- 20. Chốt nhà pin
- 21. Nhãn Thẻ bảo trì

- 1. الميكروفون الأيمن
- 2. مصباح حالة الكاميرا
- 3. الكاميرا
- 4. الميكروفون الأيسر (Inspiron 15-5558 فقط)
- 5. منفذ مهابئ التيار
- 6. منفذ الشبكة (Inspiron 15-5558 فقط)
- 7. منفذ HDMI
- 8. منفذ USB 3.0
- 9. قارئ بطاقات الوسائط
- 10. مصباح حالة التيار والبطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة
- 11. منطقة النقر الأيسر
- 12. منطقة النقر الأيمن
- 13. منفذ سماعة الرأس
- 14. منافذ USB 2.0 (2)
- 15. محرك الأقراص الضوئية
- 16. فتحة كبل الأمان
- 17. زر التيار
- 18. الملصق التنظيمي (في غلبة البطارية)
- 19. البطارية
- 20. قفل تحرير البطارية
- 21. ملصق رمز الخدمة

# Shortcut keys

Tipke prečaca | Tombol pintasan

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- F1** Mute audio  
Isključi zvuk | Mematikan audio  
Tắt âm | كتم الصوت
- F2** Decrease volume  
Smanjenje glasnoće | Menurunkan volume  
Giảm âm lượng | خفض مستوى الصوت
- F3** Increase volume  
Povećanje glasnoće | Meningkatkan volume  
Tăng âm lượng | رفع مستوى الصوت
- F4** Play previous track/chapter  
Reprodukcija prethodnog zapisa/poglavlja | Memutar trek/bab sebelumnya  
Phát bản nhạc/chương trước đó | تشغيل المسار/الفصل السابق
- F5** Play/Pause  
Reprodukcija/Pauza | Memutar/Menjeda  
Phát/Tạm dừng | تشغيل/إيقاف مؤقت
- F6** Play next track/chapter  
Reprodukcija prethodne pjesme/poglavlja | Memutar trek/bab selanjutnya  
Phát bản nhạc/chương kế tiếp | تشغيل المسار/الفصل التالي
- F8** Switch to external display  
Prebaci na vanjski zaslon | Mengalihkan ke display eksternal  
Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài | التبديل إلى الشاشة الخارجية
- F9** Search  
Pretraži | Menelusuri  
Tìm kiếm | بحث
- F10** Toggle keyboard backlight (optional)  
Prebacivanje na pozadinsko osvetljenje tipkovnice (opcionalno)  
Beralih antar lampu latar keyboard (opsional)  
Bật tắt đèn nền bàn phím — tùy chọn  
تبديل الإضاءة الخلفية للوحة المفاتيح (اختياري)
- F11** Decrease brightness  
Smanjivanje svjetline | Menurunkan kecerahan  
Giảm độ sáng | تخفيض مستوى السطوع
- F12** Increase brightness  
Povećavanje svjetline | Meningkatkan kecerahan  
Tăng độ sáng | رفع مستوى السطوع
- Fn + Esc** Toggle Fn-key lock  
Prebacivanje zaključavanja tipke Fn  
Mengalihkan kunci tombol Fn  
Bật tắt khóa phím Fn  
تبديل قفل مفتاح Fn
- Fn + PrtScr** Turn off/on wireless  
Isključi/uključi bežično  
Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel  
Tắt/mở mạng không dây  
تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي
- Fn + Insert** Put the computer to sleep  
Postavite računalo u stanje spavanja  
Membuat komputer tertidur  
Đưa máy tính vào chế độ ngủ  
إدخال الكمبيوتر في حالة السكون
- Fn + H** Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light  
Prebacivanje između svjetla statusa baterije/svjetla aktivnosti tvrdog pogona  
Mengalihkan antara lampu daya dan status baterai/lampu aktivitas hard disk  
Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng  
التبديل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة

**NOTE:** For more information, see *Specifications* at [dell.com/support](https://dell.com/support).

**NAPOMENA:** Za više informacija pogledajte *Spesifikacije* na [dell.com/support](https://dell.com/support).

**CATATAN:** Untuk informasi selengkapnya, lihat *Spesifikasi* di [dell.com/support](https://dell.com/support).

**GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy xem *Thông số kỹ thuật* tại [dell.com/support](https://dell.com/support).

**ملاحظة:** لمزيد من المعلومات، انظر المواصفات على العنوان [dell.com/support](https://dell.com/support).